

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TỜ ĐỒNG THỦ HƯỞNG
(Kèm theo giấy rút dư toàn số 27 ngày 28 tháng 4 năm 2022)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

- Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
 - Mã đơn vị: **1048792**
 - Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **Tk : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**
- L. Nội dung để nghị thanh toán:**

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập (tổng thêm cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/LBN Đ ngày 24/9/2021 LĐT.T. CS.TĐ	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Công phục vụ an sáng	Công phục vụ bán trú			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11	12		
Tổng số				99.827.980	-	-	-	-	33.585.180	66.242.800	-			
1	Đối với công chức, viên chức:		84.957.506	-	-	-	-	21.002.280	63.955.226	-				
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đồng Á	2.751.300				692.300	2.059.000					
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đồng Á	2.705.150				692.300	2.012.850					
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đồng Á	2.614.850				602.000	2.012.850					
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đồng Á	3.276.000				812.000	2.464.000					
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đồng Á	2.270.500				522.500	1.748.000					
6	Ngô Hoàng Uyên Mì	0107817627	NH Đồng Á	2.477.500				577.500	1.900.000					
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đồng Á	4.310.607				1.095.390	3.215.217					
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đồng Á	2.864.000				704.000	2.160.000					
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đồng Á	2.477.500				577.500	1.900.000					
10	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đồng Á	2.710.000				630.000	2.080.000					
11	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đồng Á	2.225.392				564.870	1.660.522					
12	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đồng Á	2.365.918				581.570	1.784.348					
13	Lê Thuý Anh Đào	0109963794	NH Đồng Á	2.192.671				527.280	1.665.391					
14	Đào Vũ Uyên Duyệt	0110862343	NH Đồng Á	3.588.258				864.780	2.723.478					
15	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đồng Á	-				-	-					
16	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đồng Á	3.488.000				928.000	2.560.000					
17	Phạm Thị Nguyễn Thuý	0109940965	NH Đồng Á	1.598.475				408.910	1.189.565					
18	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đồng Á	3.218.000				754.000	2.464.000					

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Tiền hợp bằng	Chú thích
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2021 LĐT, CSTĐ	Công phục vụ ăn sáng	Công phục vụ bán trú		
19	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	3.276.000					812.000	2.464.000		
20	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	2.154.344					502.170	1.652.174		
21	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	3.259.824					887.650	2.372.174		
22	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	-					-	-		
23	Sử Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	3.199.000					812.000	2.387.000		
24	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	2.293.000					533.000	1.760.000		
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	2.293.000					533.000	1.760.000		
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	3.488.000					928.000	2.560.000		
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đông Á	3.408.000					928.000	2.480.000		
28	Nguyễn Thị Thùy Trang	0107817774	NH Đông Á	1.885.217					438.260	1.446.957		
29	Nguyễn Song Hà Ny	0110899069	NH Đông Á	2.042.500					522.500	1.520.000		
30	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	2.270.500					522.500	1.748.000		
31	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	3.218.000					754.000	2.464.000		
32	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	2.705.150					692.300	2.012.850		
33	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	2.330.850					602.000	1.728.850		
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			9.440.094	-	-	-	-	8.205.720	1.234.374	-	
1	Phạm Thanh Phú	0110218883	NH Đông Á	1.617.800					1.517.800	100.000		
2	Nguyễn Dương	0109570919	NH Đông Á	2.067.190					1.967.190	100.000		
3	Ôn Thị Thanh Thanh	0108307286	NH Đông Á	1.543.817					1.076.630	467.187		
4	Mai Thị Nguyệt	0109996616	NH Đông Á	2.367.187					1.900.000	467.187		
5	Bùi Diễm Tu Minh	0109429054	NH Đông Á	1.844.100					1.744.100	100.000		
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			5.430.380	-	-	-	-	4.377.180	1.053.200	-	
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đông Á	2.242.180					1.798.080	444.100		
2	Lê Thị Yến Trinh	0109280578	NH Đông Á	2.344.100					1.900.000	444.100		
3	Bùi Thị Hương Huệ	079178021922	NH Đông Á	844.100					679.100	165.000		

Tổng số tiền bằng chữ: **Chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi đồng.**

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐD	Tiền		Tiền khác	Tiền trợ cấp			
							thưởng	theo QĐ : 3528/TBNĐ ngày 14/9/2021 (cười năm)			Công phục vụ áo sáng	Công phục vụ bữa trưa	

Người lập

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng Tâm

PT - Kế toán

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

[Signature]

[Red Stamp: BAN NHÂN DÂN QUẬN BÀ RỊA V. TRƯỜNG MÃM NON 9]

Trần Thị Kiều Nhung

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện